

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hồ Viết Ân
 ông Phạm Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 66/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Ngô Thị Tuyết P, sinh năm: 1983; nơi đăng ký thường trú và cư trú: tổ 1, ấp S, xã L, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1976; nơi đăng ký thường trú và cư trú: tổ 1, ấp T, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(chị P và anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị không hòa giải, đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt- nguyên đơn là chị Ngô Thị Tuyết P trình bày: chị và anh Nguyễn Ngọc H đã kết hôn vào năm 2006, nhưng do mâu thuẫn nên sau khi sinh người con đầu thì vợ chồng đã ly hôn vào năm 2007. Sau khi ly hôn được khoảng 10 năm thì vợ chồng hàn gắn tình cảm và có thêm 01 con chung nên đăng ký kết hôn lại vào năm 2018. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng hàn gắn, chung sống không được bao lâu lại tiếp tục mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H là người bạo lực, hay nhậu nhẹt, dạy học cho con nhỏ mà đánh đập bằng cây sắt, khi chị can ngăn thì lại đập phá đồ đạc, xe cộ của chị; không những vậy anh H còn có những lời lẽ xúc phạm cha mẹ chị nhưng không chịu xin lỗi. Do lo sợ anh H tiếp tục đánh đập con cái nên dẫn cả 02 con về nhà cha mẹ ruột

sinh sống và vợ chồng ly thân đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn vợ chồng với anh H nên chị quyết định nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh H.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày: 14/11/2007 và cháu Nguyễn Ngọc P1, sinh ngày: 05/9/2018; 03 năm ly thân cả 02 cháu sống với chị nhưng anh H không hề cấp dưỡng, cũng không thăm hỏi, chăm sóc con cái nên chị yêu cầu được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu. Yêu cầu anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng với mức 1.500.000 đồng/cháu cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập làm việc của Tòa án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* về quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật, quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GD) để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị cho chị P được ly hôn anh H; giao 02 con chung là các cháu L và P1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị P và buộc anh H phải cấp dưỡng cho các cháu L và P1, đối với mức yêu cầu cấp dưỡng mà chị P đưa ra là 1.500.000 đồng/cháu/tháng, tuy Tòa án đã xác minh nghề nghiệp của anh H nhưng chưa chứng minh được mức thu nhập của anh H, do đó đề nghị làm rõ và quyết định mức cấp dưỡng cho phù hợp; về tài sản chung, nợ chung không ai yêu cầu nên không xem xét; chị P nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Ngô Thị Tuyết P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Ngọc H và giải quyết giao quyền nuôi con chưa thành niên nên xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị P là nguyên đơn, anh H là bị đơn và có nơi đăng ký thường trú tại huyện CM nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện CM.

Nguyên đơn (chị Ngô Thị Tuyết P) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn (anh Nguyễn Ngọc H) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng nên việc xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thị Tuyết P và anh Nguyễn Ngọc H đã đăng ký kết hôn và được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 16/11/2018 nên hôn nhân giữa hai người được công nhận là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P nhận thấy: theo trình bày của chị P thì chị và anh H trước đây đã là vợ chồng nhưng chỉ chung sống được khoảng hơn 01 năm thì ly hôn; sau 10 năm vợ chồng hàn gắn và kết hôn lại nhưng cuộc sống chung cũng chỉ kéo dài khoảng 02 năm thì mâu thuẫn trầm trọng nên chị dẫn các con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân đến nay; theo chị P mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh H thường bạo lực với con là cháu Nguyễn Thị Ngọc L từ trong sinh hoạt hàng ngày cho đến việc dạy dỗ cháu học hành, khiến cho cháu L luôn bị tâm lý hoang mang, lo sợ đối với cha của mình; không những vậy anh H không nghe lời can ngăn của chị và hàng xóm còn đập phá tài sản và có những lời lẽ xúc phạm cha mẹ chị. Lời khai của cháu Nguyễn Thị Ngọc L cũng thể hiện: *sau khi cha mẹ làm lành chung sống lại với nhau thì ba rất hung dữ, thường xuyên đánh đập cháu, có lúc đánh bằng cây sắt, vài ba ngày lại đánh 01 lần. Trong khoảng hơn 02 năm qua, ba cháu chỉ ghé thăm cháu đúng 01 lần lúc mẹ con cháu mới về nhà ngoại; còn từ đó đến nay ba không liên lạc, thăm hỏi gì nữa.* Ngoài ra, tuy Tòa án không thu thập được lời khai của anh H để xác định mâu thuẫn nhưng tài liệu trong hồ sơ đã thể hiện: anh H biết việc chị P yêu cầu ly hôn, đã được Tòa án triệu tập làm việc nhiều lần nhưng đã từ chối và đều vắng mặt, không đưa ra ý kiến gì. Từ những phân tích trên cho thấy hôn nhân giữa chị P và anh H thật sự trầm trọng, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, có căn cứ để HĐXX chấp nhận cho chị P được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày: 14/11/2007 và cháu Nguyễn Ngọc P1, sinh ngày: 05/9/2018. Xét thấy: cháu L có nguyện vọng được sống với mẹ, còn cháu P1 chưa tròn 4 tuổi; trong suốt thời gian ly thân các cháu sống cùng chị P nhưng anh H không hề quan tâm, thăm hỏi các cháu; mặt khác anh H không hề đưa ra ý kiến yêu cầu giành quyền nuôi con nên việc giao cả hai cháu L và P1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng cho con: chị P yêu cầu anh H hàng tháng phải cấp dưỡng cho 02 cháu L và P số tiền là 1.500.000 đồng/cháu. Xét thấy: theo khoản 2 Điều 82 của Luật HN&GD 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*” nên việc buộc anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các cháu L và P1 là có căn cứ. Xét mức cấp dưỡng mà chị P nêu ra nhận thấy: theo kết quả xác minh của Tòa án thì anh H là thợ hàn, có cửa tiệm riêng hoạt động đã hơn 10 năm nay, chứng tỏ anh H có thu nhập, đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Căn cứ vào tình hình chung hiện nay, HĐXX quyết định chấp nhận mức yêu cầu của chị P, buộc anh H cấp dưỡng hàng tháng để nuôi 02 cháu L và P1 với mức 1.500.000 đồng/cháu là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Ngô Thị Tuyết P phải nộp án phí ly hôn; anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên: về đường lối giải quyết vụ án cơ bản phù hợp quy định pháp luật và phù hợp một phần với quan điểm của HĐXX nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Ngô Thị Tuyết P được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung, cấp dưỡng: giao 02 cháu Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày: 14/11/2007 và cháu Nguyễn Ngọc P, sinh ngày: 05/9/2018 cho chị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Hàng tháng anh Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 cháu L và P1 số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/cháu. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật HN&GD 2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải thanh toán, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: chị Ngô Thị Tuyết P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị P đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001033 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; chị P đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Hà Thế Nam